

## Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa

Nguyễn Trọng Minh<sup>1\*</sup>, Nguyễn Toàn Thắng<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp

<sup>2</sup>Viện nghiên cứu Lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

### Ecotourism potential and development orientation in Hon Ba Nature Reserve, Khanh Hoa province

Nguyen Trong Minh<sup>1\*</sup>, Nguyen Toan Thang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Vietnam National University of Forestry

<sup>2</sup>Silviculture Research Institute, Vietnamese Academy of Forest Sciences

\*Corresponding author: minhnt@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.15.8.2026.069-077>

#### TÓM TẮT

Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà có diện tích khoảng 19.285,83 ha với độ che phủ rừng trên 91%, hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới núi cao đặc trưng, cùng nguồn tài nguyên đa dạng sinh học cao và các giá trị lịch sử – văn hóa có ý nghĩa. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tiềm năng và đề xuất định hướng phát triển du lịch sinh thái phù hợp với mục tiêu bảo tồn. Dữ liệu được tổng hợp từ tài liệu thứ cấp, khảo sát thực địa, 10 ô tiêu chuẩn tạm thời với diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, 5 tuyến khảo sát (76,6 km) và 90 phiếu phỏng vấn bán cấu trúc kết hợp phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia. Tiềm năng du lịch sinh thái được đánh giá bán định lượng theo sáu nhóm tiêu chí kết hợp với phân tích SWOT để xác định các yếu tố thuận lợi và hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy khu vực có lợi thế nổi bật về tài nguyên rừng, cảnh quan núi cao, đa dạng sinh học, giá trị lịch sử gắn với bác sĩ Alexandre Yersin và văn hóa cộng đồng người Raglai. Hai không gian ưu tiên được xác định gồm khu vực đỉnh núi Hòn Bà và Suối Dầu, tương ứng với các nhóm sản phẩm nghỉ dưỡng sinh thái, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, quan sát động thực vật, khám phá thiên nhiên và du lịch cộng đồng. Nghiên cứu đề xuất phát triển du lịch theo hướng tập trung, quy mô phù hợp, gắn với kiểm soát tác động sinh thái, diễn giải môi trường, tham gia của cộng đồng và cơ chế giám sát thích ứng.

#### ABSTRACT

Hon Ba Nature Reserve covers approximately 19,285.83 ha, with forest cover exceeding 91%, and encompasses distinctive tropical and subtropical montane forest ecosystems, rich biodiversity resources, and significant historical and cultural values. This study assesses the potential for ecotourism development and proposes development orientations that are compatible with the reserve's conservation objectives. Data were compiled from secondary sources, field surveys, ten temporary sample plots (1,000 m<sup>2</sup> each), five survey transects totaling 76.6 km, and 90 semi-structured interviews, combined with participatory rapid appraisal. Ecotourism potential was assessed semi-quantitatively based on six groups of criteria, while SWOT analysis was used to identify strengths, weaknesses, opportunities, and threats. The results indicate that Hon Ba Nature Reserve has notable advantages in terms of forest resources, montane landscapes, biodiversity, historical values associated with Doctor Alexandre Yersin, and the cultural values of the Raglai community. Two priority areas were identified: the Hon Ba summit area and Suoi Dau, corresponding to tourism product groups including nature-based resort tourism, scientific research, environmental education, flora and fauna observation, nature exploration, and community-based tourism. The study recommends a focused and appropriately scaled approach to tourism development, with emphasis on controlling ecological impacts, environmental interpretation, community participation, and adaptive monitoring.

#### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 17/08/2026

Ngày phản biện: 17/09/2026

Ngày quyết định đăng: 05/10/2026

#### Từ khóa:

Du lịch sinh thái,  
đa dạng sinh học, Hòn Bà,  
Khu Bảo tồn thiên nhiên.

#### Keywords:

Biodiversity, ecotourism,  
Hon Ba, Nature Reserve.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, du lịch sinh thái là một trong những định hướng quan trọng nhằm khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Theo Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, phát triển du lịch sinh thái (DLST) tại các khu rừng đặc dụng và Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ngành du lịch [1]. KBTTN Hòn Bà được thành lập năm 2005 với mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng nhiệt đới, bảo vệ nguồn gen động thực vật quý, hiếm [2]. Bên cạnh giá trị về tài nguyên sinh học, Hòn Bà còn nổi bật với hệ thống cảnh quan rừng - núi cao đặc sắc cùng với các giá trị lịch sử, tâm linh. Việc chính thức công nhận Nhà làm việc của bác sĩ Alexandre Yersin tại KBTTN Hòn Bà là di tích lịch sử lưu niệm cấp quốc gia năm 2023 tạo hành lang pháp lý cho bảo tồn di sản văn hóa gắn với thiên nhiên. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình DLST, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và nghỉ dưỡng của con người. Tuy nhiên, hoạt động DLST tại khu vực hiện nay vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Việc đánh giá tổng hợp các nguồn tài nguyên DLST và định hướng phát triển DLST phù hợp là cần thiết nhằm khai thác hiệu quả các giá trị tự nhiên, đồng thời đảm bảo mục tiêu bảo tồn tài nguyên rừng và ĐDSH bền vững. Mặc dù có nguồn tài nguyên phong phú, khả năng khai thác DLST tại KBTTN Hòn Bà hiện chưa tương xứng với tiềm năng. Đặc biệt, các vấn đề về hạ tầng, dịch vụ, diễn giải môi trường, tổ chức các tuyến DLST và kiểm soát tác động của con người cần được xem xét đồng thời với giá trị tài nguyên. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này: (i) Đánh giá các nguồn tài nguyên rừng có khả năng tạo ra các sản phẩm DLST; (ii) Xác định các lợi thế và hạn chế trong phát triển DLST; (iii) Đề xuất một số hướng phát triển DLST gắn với bảo tồn thiên nhiên.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các nguồn tài nguyên DLST tại Hòn Bà, với tổng diện tích khoảng 19.285,83 ha. Khu vực nghiên cứu nằm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cách Nha Trang 30

km. Vị trí địa lý: từ 12°01'45" đến 12°12'00" vĩ độ Bắc và từ 108°54'04" đến 109°05'00" kinh độ Đông [3]. Độ cao địa hình dao động từ khoảng 50÷1.578 m so với mực nước biển. Khí hậu nhiệt đới gió mùa; trong đó mùa khô kéo dài 9 tháng từ tháng 1÷tháng 9, còn mùa mưa chỉ kéo dài 3 tháng từ tháng 10÷tháng 12. Nhiệt độ không khí trung bình khoảng 20°C; dao động từ 17°C÷22°C. Lượng mưa trung bình năm dao động từ 1.300÷2.000 mm. Độ ẩm không khí trung bình năm là 82%.

### 2.2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo ba bước. **Bước 1:** Thu thập các tài liệu và các công trình nghiên cứu đã công bố [2, 3]. Các nguồn tài liệu được rà soát, đối chiếu và tổng hợp nhằm xác định các giá trị tài nguyên có khả năng phát triển DLST. **Bước 2:** Khảo sát thực địa để xác định các khu vực có tiềm năng phát triển DLST. Lựa chọn các điểm khảo sát, tuyến điều tra được xác định thông qua phỏng vấn và phân tích dữ liệu bản đồ số trên QGIS 3.4. Tại điểm khảo sát, tuyến điều tra, kiểu rừng được xác định theo Thái Văn Trường [4]; đồng thời đánh giá khả năng tiếp cận, điều kiện cơ sở hạ tầng, mức độ hấp dẫn của cảnh quan rừng và được ghi nhận bằng mẫu biểu, chụp ảnh hiện trường. Tuyến điều tra gồm 5 tuyến với tổng chiều dài 76,6 km (đường lên đỉnh Hòn Bà và nhánh tiếp cận rừng tự nhiên trên tuyến 42,2 km; suối Dầu 6,4 km; suối Giăng Mây 3,2 km; thác Yang Bay 12,8 km; phân khu phục hồi sinh thái (PHST) tại xã Khánh Vĩnh, Diên Thọ, Suối Tiên, Suối Dầu khoảng 12 km). Nhằm đánh giá hiện trạng rừng tại phân khu PHST, nghiên cứu thiết lập 10 ô tiêu chuẩn tạm thời (OTC) với diện tích 1.000 m<sup>2</sup> (33,3x33,3 m) để thu thập thông tin về thành phần loài cây gỗ, đường kính ngang ngực (D, cm), chiều cao vút ngọn (H, m), độ tàn che (C) và trạng thái rừng, làm cơ sở xác định giá trị tài nguyên rừng, chất lượng cảnh quan và mức độ phù hợp của từng khu vực đối với việc đề xuất các địa điểm/khu vực phát triển DLST. **Bước 3:** Phỏng vấn các đối tượng về nhận thức của các nhóm liên quan đối với tài nguyên rừng, khả năng tiếp cận cảnh quan rừng, điều kiện tổ chức và hạn chế trong phát triển DLST. Đối tượng phỏng vấn gồm cán bộ của Ban Quản lý KBTTN Hòn Bà; cán bộ kiểm lâm và chính quyền địa phương (20 phiếu); doanh nghiệp du lịch, cộng đồng (40) và khách tham quan (30 phiếu).

Các thông tin phỏng vấn được đối chiếu với kết quả khảo sát thực địa và các tài liệu quản lý hiện có để đánh giá tổng hợp theo hướng định tính. Tiềm năng DLST được đánh giá theo sáu nhóm tiêu chí: (1) Đa dạng sinh học; (2) Cảnh quan tự nhiên; (3) Giá trị lịch sử – văn hóa; (4) Khả năng tiếp cận; (5) Hạ tầng – dịch vụ; (6) Khả năng tổ chức hoạt động DLST. Trong xử lý số liệu, thực hiện phân tích thống kê và phân tích đặc điểm của các trạng thái rừng về trữ lượng, sinh khối và ĐDSH (phần mềm R, Excel) nhằm đánh giá các đặc điểm trạng thái rừng, hiện trạng rừng.

Phân tích SWOT [5] được sử dụng để hệ thống hóa các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển DLST. SWOT đóng vai trò công cụ tổng hợp định tính nhằm hỗ trợ lựa chọn không gian và sản phẩm phù hợp, không được sử dụng như chỉ số định lượng về mức độ tiềm năng.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Tổng quan tiềm năng tài nguyên DLST tại KBTTN Hòn Bà

Tổng diện tích tự nhiên của KBTTN Hòn Bà là 19.285,83 ha; trong đó diện tích rừng chiếm khoảng 91,1%, với 2 kiểu rừng chính gồm (1) Kiểu rừng kín lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới núi thấp (độ cao <900 m) và (2) Kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi trung bình (900÷1.600 m) [3]. Hai kiểu rừng đã bị tác động ở các mức độ khác nhau do ảnh hưởng của tự nhiên và hoạt động của con người trong đó tác động thể hiện rõ ở phân khu PHST ở kiểu rừng núi thấp khi có sự giảm mạnh về các chỉ tiêu mật độ, trữ lượng, số lượng loài và chỉ số ĐDSH khi phân tích số liệu tại các OTC đã thiết lập. Đặc điểm nổi bật của KBTTN Hòn Bà là các trạng thái rừng thường xanh có diện tích rất lớn (17.044 ha hay 97% tổng diện tích rừng) tạo sự duy trì tương đối và tính liên tục của hệ sinh thái rừng tự nhiên. Đây là nền tảng quan trọng cho các hoạt động DLST dựa vào thiên nhiên, nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường. Mặt khác, sự đa dạng của các kiểu rừng, trạng thái rừng và cảnh quan rừng cũng tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển các loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, đồng thời đảm bảo mục tiêu bảo tồn ĐDSH.

Diện tích rừng phân bố trên địa hình có độ cao thay đổi lớn tạo nên sự phân hóa rõ rệt về khí hậu, thảm thực vật và cảnh quan. Sự thay đổi theo đai cao đã hình thành các hệ sinh thái

rừng nhiệt đới và á nhiệt đới đặc trưng, đồng thời tạo nên nhiều điểm quan sát cảnh quan, thác nước và hệ thống suối tự nhiên có giá trị cao đối với phát triển các sản phẩm trải nghiệm phiêu lưu (Trekking), du lịch khám phá thiên nhiên, nghỉ dưỡng núi cao và giáo dục môi trường. KBTTN Hòn Bà có 3.479,64 ha rừng giàu (19,8%), 4.403,79 ha rừng trung bình (25,1%), 4.846,52 ha rừng nghèo (27,6%) và 4.313,20 ha rừng non (24,5%) [2]. Cơ cấu này phản ánh bức tranh đa dạng về trạng thái diễn thế của hệ sinh thái rừng, tạo điều kiện phát triển nhiều nhóm sản phẩm du lịch khác nhau.

KBTTN Hòn Bà có nguồn tài nguyên ĐDSH đặc biệt. Hệ thực vật bao gồm có hơn 1445 loài thuộc 708 chi và 174 họ; trong đó có nhiều loài cây gỗ quý, hiếm như Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Gõ đỏ (*Azadirachta xylocarpa*), Thông tre (*Podocarpus elongatus*) và nhiều loài lan rừng đẹp như Lan hài hồng (*Paphiopedilum micranthum*), Lan hài đỏ (*Paphiopedilum delenatii*), Lan hài vàng (*Paphiopedilum villosum*), Lan đài cuộn (*Paphiopedilum appletonianum*)... Hệ động vật trên 420 loài; trong đó có 77 loài thú, 224 loài chim, 71 loài bò sát và 48 loài ếch nhái và các loài cá, côn trùng. Các kết quả điều tra gần đây ghi nhận nhiều loài động vật và thực vật quý, hiếm thuộc Sách Đỏ Việt Nam và Danh lục Đỏ IUCN. Hệ thực vật có tổng số 209 loài quý hiếm chiếm 15,5 % tổng số loài. Một số loài động vật quý, hiếm như Chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), Vượn đen má hung (*Nomascus gabriellae*), Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*) [2, 3]. Sự hiện diện của các loài chỉ thị và các sinh cảnh còn tương đối nguyên vẹn là nền tảng quan trọng để phát triển các sản phẩm du lịch chuyên đề như quan sát động vật hoang dã, nhiếp ảnh thiên nhiên và nghiên cứu khoa học, đồng thời nâng cao giá trị khác biệt của điểm đến. Các nghiên cứu tại nhiều Khu Bảo tồn ở Đông Nam Á cho thấy hoạt động quan sát chim, linh trưởng và du lịch trải nghiệm thiên nhiên là những sản phẩm có khả năng tạo ra giá trị kinh tế từ đó có thể tạo nguồn lực và động lực cho bảo tồn tài nguyên nếu được tổ chức và quản lý phù hợp [6, 7]. Sự hiện diện của nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm cũng đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ các hoạt động du lịch. Các chương trình tham quan cần được thiết kế theo hướng hạn chế tối đa tác động đến sinh

cảnh tự nhiên, đồng thời tăng cường các hoạt động diễn giải môi trường... Đây được xem là xu hướng phát triển DLST bền vững đang được áp dụng rộng rãi tại nhiều khu bảo tồn như tại Việt Nam, KBTTN – Văn hóa Đồng Nai được đề

xuất phát triển DLST gắn khai thác các giá trị cảnh quan rừng, ĐDSH, tài nguyên văn hóa với yêu cầu bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên của Khu Bảo tồn [8, 9].



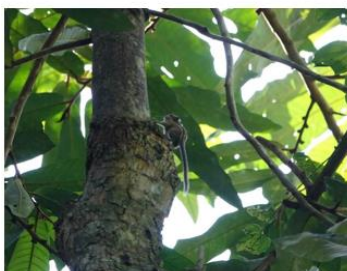
(a) Rừng thường xanh giàu



(b) Rừng hỗn giao



(c) Rừng thường xanh trung bình



(d) Sóc chuột lửa



(e) Nhông xanh



(f) Ếch đồng

**Hình 1. Một số hình ảnh về tài nguyên thực vật và động vật tại KBTTN Hòn Bà**

### 3.2. Đánh giá tiềm năng phát triển DLST của KBTTN Hòn Bà

KBTTN Hòn Bà sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú (Bảng 1). Tuy vậy, khả năng phát triển DLST không chỉ phụ thuộc vào mức độ đa dạng của tài nguyên, mà còn chịu ảnh hưởng bởi điều kiện tiếp cận, cơ sở hạ tầng, năng lực quản lý và khả năng tổ chức các hoạt động du lịch. Tài nguyên tự nhiên là lợi thế của Hòn Bà nhưng các tiêu chí về cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch hiện vẫn là những hạn chế đáng kể (khả năng tiếp cận bị chi phối bởi địa hình núi cao, đường đèo dốc; tiện ích phục vụ

du khách chưa phát triển đồng bộ; thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp có năng lực diễn giải về tài nguyên tự nhiên, tổ chức trải nghiệm sinh thái và kiểm soát hành vi du khách trong khu bảo tồn...) [2, 3]. Điều này làm giảm khả năng kéo dài thời gian lưu trú và hạn chế việc phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị cao. Nghiên cứu gần đây tại Hòn Bà đã củng cố nhận định của nghiên cứu này khi đưa ra kết quả thể hiện cơ sở hạ tầng và khả năng tiếp cận là yếu tố có mức độ liên hệ mạnh nhất với hành vi du lịch bền vững [10].

**Bảng 1. Tổng hợp các điều kiện và lợi thế phát triển DLST tại KBTTN Hòn Bà**

| Nhóm tiêu chí                      | Tiềm năng tổng hợp                                                                                    |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đa dạng sinh học                   | Diện tích rừng tự nhiên lớn; nhiều loài sinh vật nguy cấp, quý, hiếm; sinh cảnh tương đối nguyên vẹn. |
| Cảnh quan tự nhiên                 | Địa hình núi cao (Đỉnh Hòn Bà cao 1.578 m); hệ thống suối, thác; khí hậu núi cao nhiệt đới.           |
| Giá trị lịch sử và văn hóa         | Nhà làm việc của bác sĩ Alexandre Yersin; văn hóa bản địa Raglai.                                     |
| Khả năng tiếp cận                  | Gần thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh; giao thông thuận lợi.                                       |
| Hạ tầng và dịch vụ                 | Thiếu cơ sở lưu trú, trung tâm diễn giải và dịch vụ chuyên biệt.                                      |
| Khả năng tổ chức hoạt động du lịch | Có thể phát triển nhiều loại hình DLST quanh năm.                                                     |

Số liệu tổng hợp ở Bảng 1 cho thấy 4 nhóm tiêu chí đều phản ánh tiềm năng nổi bật của KBTTN Hòn Bà trong phát triển DLST. Sự hạn

chế về hạ tầng và dịch vụ là nguyên nhân cơ bản hạn chế mức độ khai thác DLST hiện nay. Đây cũng là đặc điểm phổ biến của nhiều KBTTN ở

Việt Nam. Nguồn tài nguyên được bảo tồn tương đối tốt nhưng đầu tư cho hạ tầng và dịch vụ du lịch còn hạn chế dẫn đến hiệu quả khai thác DLST chưa tương xứng với tiềm năng [7] [8]. Đáng chú ý, sự kết hợp giữa các nhóm tài nguyên tại Hòn Bà tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt. Sự đa dạng của nguồn tài nguyên là điều kiện quan trọng giúp hình thành các sản phẩm DLST có khả năng hoạt động quanh năm, góp phần kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao mức chi tiêu của du khách [6]. Trên cơ sở tổng hợp các bằng chứng về tài nguyên, điều kiện tiếp cận, giá trị cảnh quan tự nhiên và rừng và khả năng tổ chức DLST cho thấy KBTTN Hòn Bà có tiềm năng nổi bật để phát triển DLST. Tuy vậy, việc hiện thực hóa tiềm năng này phụ thuộc vào khả năng giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng và dịch vụ. Nguồn tài nguyên chỉ tạo ra lợi thế cạnh tranh khi được tổ chức thành các sản phẩm du lịch phù hợp và được quản lý trên cơ sở bảo tồn thiên nhiên [7, 8, 11]. Do đó, việc xác định các không gian ưu tiên phát triển và lựa chọn nhóm sản phẩm phù hợp là bước tiếp theo nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa khai thác du lịch và bảo tồn rừng và ĐDSH tại KBTTN Hòn Bà.

Ngoài lợi thế về tài nguyên, Hòn Bà còn có lợi thế lịch sử và văn hóa; trong đó nhà làm việc của bác sĩ Alexandre Yersin là một di tích có giá trị khoa học và lịch sử đặc biệt, góp phần tạo nên bản sắc riêng. Văn hóa truyền thống của cộng đồng người Raglai sống trong vùng đệm ngoài (chiếm phần lớn trong người dân tộc thiểu số [3]) mở ra khả năng phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa, phù hợp với xu hướng phát triển DLST gắn với sinh kế địa phương. Những nghi lễ gắn với rừng, tập quán canh tác, cùng kho tàng dân ca, nhạc cụ (đàn Chapi) đã tạo nên bản sắc riêng biệt, phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị này không chỉ giúp cộng đồng Raglai duy trì bản sắc, mà còn mở ra cơ hội phát triển DLST cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống kinh tế và khẳng định vai trò của tri thức bản địa trong quản lý tài nguyên. Do đó, bảo tồn văn hóa Raglai tại Hòn Bà cần được nhìn nhận như một chiến lược song hành với bảo tồn sinh thái, nhằm gìn giữ cả ĐDSH lẫn đa dạng văn hóa – hai trụ cột không thể tách rời của phát triển bền vững. Điều này có sự tương đồng với nhận định

về vai trò của văn hóa bản địa tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai [9] và phù hợp với chủ trương phát triển, gìn giữ văn hóa của tỉnh Khánh Hòa. Việc sử dụng sự kết hợp giữa tài nguyên tự nhiên và giá trị văn hóa là một trong những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của điểm đến DLST [8]. Tuy nhiên, tiềm năng này mới chỉ phản ánh khả năng cung cấp tài nguyên. Để chuyển hóa thành lợi thế phát triển DLST bền vững, KBTTN Hòn Bà cần tiếp tục đánh giá mức độ phù hợp, khả năng khai thác và các yếu tố hạn chế. Ngoài ra, diện tích đất chưa thành rừng khoảng 1.707,54 ha [2] cũng là tiềm năng quan trọng để phát triển các hoạt động du lịch gắn với phục hồi hệ sinh thái như chương trình trồng cây lưu niệm hay trải nghiệm bảo tồn thiên nhiên. Những mô hình này hiện đang được áp dụng tại nhiều Khu Bảo tồn trên thế giới nhằm tăng cường sự tham gia của du khách vào công tác bảo tồn và tạo nguồn tài chính bền vững cho quản lý rừng [12].

### 3.3. Định hướng phát triển DLST bền vững

#### 3.3.1. Phân tích SWOT đối với phát triển DLST tại KBTTN Hòn Bà

Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa và phân tích hiện trạng rừng, nghiên cứu tổng hợp các yếu tố SWOT nhằm làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển DLST (Bảng 2).

Phân tích SWOT cho thấy Hòn Bà có lợi thế rõ rệt về tài nguyên, cảnh quan tự nhiên, giá trị lịch sử, khoa học và khả năng kết nối. Các hạn chế chủ yếu tập trung vào hạ tầng, dịch vụ chuyên biệt, diễn giải môi trường và năng lực tổ chức thị trường. Hoạt động khai thác du lịch tại Hòn Bà đang từng bước hoàn thiện; năm 2024 bắt đầu hình thành các chương trình du lịch có tổ chức và năm 2025 tiếp tục thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí.

Sự kết hợp giữa tài nguyên rừng tự nhiên, cảnh quan núi cao, ĐDSH, giá trị lịch sử và văn hóa bản địa tạo nên một tổ hợp tài nguyên có tính khác biệt để phát triển DLST. Tuy nhiên, không thể xem các điểm mạnh này là cơ sở để mở rộng khai thác DLST. Ngược lại, giá trị ĐDSH cao đòi hỏi mô hình phát triển DLST tập trung, kiểm soát quy mô và giám sát tác động môi trường, đặc biệt các kiểu rừng tự nhiên bị suy thoái tại phân khu PHST đứng trước thách thức lớn về khả năng phục hồi và bảo tồn rừng. Vì thế, định hướng phát triển DLST tại KBTTN

Hòn Bà cần dựa trên nguyên tắc "*Bảo tồn là nền tảng, khai thác là phương tiện và cộng*

*đồng là trung tâm*", phù hợp với các khuyến nghị quốc tế [8].

**Bảng 2. Phân tích SWOT đối với phát triển DLST tại KBTTN Hòn Bà**

| <b>Điểm mạnh (Strengths)</b>                                         | <b>Điểm yếu (Weaknesses)</b>                                               |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Diện tích rừng tự nhiên lớn                                          | Hạn chế về cơ sở hạ tầng du lịch                                           |
| Hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới đặc trưng                 | Thiếu các dịch vụ DLST chuyên biệt                                         |
| ĐDSH cao với nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm                          | Thiếu người diễn giải về các loài thực vật và động vật quý, hiếm           |
| Cảnh quan núi cao, suối, thác và khí hậu                             | Thiếu người diễn giải về các kiểu cảnh quan                                |
| Giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh                                   | Hạn chế về hoạt động quảng bá và liên kết thị trường                       |
| <b>Cơ hội (Opportunities)</b>                                        | <b>Thách thức (Threats)</b>                                                |
| Nhu cầu cao về DLST và nghỉ dưỡng thiên nhiên                        | Gia tăng áp lực từ khách du lịch đến rừng, ĐDSH và cảnh quan tự nhiên khác |
| Chính sách phát triển du lịch xanh và kinh tế xanh                   | Nguy cơ suy giảm sinh cảnh và ĐDSH                                         |
| Lợi thế kết nối với các khu dân cư đô thị (Nha Trang và Cam Ranh...) | Tăng nguy cơ cháy rừng                                                     |
| Xu hướng du lịch trải nghiệm và giáo dục môi trường                  | Xung đột giữa mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và khai thác du lịch            |

### 3.3.2. Định hướng phát triển DLST tại KBTTN Hòn Bà

Trên cơ sở đánh giá các nguồn tài nguyên, khả năng tiếp cận và yêu cầu bảo tồn, nghiên cứu này đề xuất ba không gian ưu tiên cho phát triển DLST tại KBTTN Hòn Bà. Một là khu vực đỉnh núi Hòn Bà. Hai là khu vực Suối Dầu. Ba là vùng đệm của KBTTN Hòn Bà. Cách tổ chức này nhằm tránh phát triển dàn trải, tập trung đầu tư vào nơi có khả năng cung cấp sản phẩm DLST rõ ràng.

**(1) Không gian DLST ở đỉnh núi Hòn Bà:** Đỉnh núi Hòn Bà là không gian ưu tiên do hội tụ cảnh quan núi cao, khí hậu núi cao đặc trưng, hệ sinh thái rừng đa dạng, giá trị lịch sử và khoa học gắn với nhà làm việc của bác sĩ Alexandre Yersin, chùa Trúc Lâm - Hòn Bà. Đây là các điểm nhấn đặc biệt, góp phần gia tăng giá trị văn hóa và khoa học của điểm đến. Việc kết hợp các tuyến tham quan sinh thái với các hoạt động

tìm hiểu lịch sử và nghiên cứu khoa học sẽ giúp đa dạng hóa trải nghiệm của du khách và nâng cao giá trị giáo dục của sản phẩm du lịch. Điều này phù hợp với quan điểm về sự kết hợp hài hòa giữa tài nguyên tự nhiên và giá trị văn hóa, từ đó tạo ra nhiều khả năng thu hút khách bền vững hơn so với các điểm chỉ khai thác cảnh quan tự nhiên đơn thuần [11]. Về định hướng phát triển, nghiên cứu này đề xuất cần ưu tiên các công trình có quy mô nhỏ, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và hạn chế tối đa tác động đến sinh cảnh tự nhiên. Đồng thời, cần xác định sức chứa khách du lịch, kiểm soát số lượng khách theo mùa và tăng cường hoạt động diễn giải môi trường nhằm giảm thiểu các tác động đến các hệ sinh thái. Đây chỉ là không gian có cường độ khai thác thấp đến trung bình, trong đó giá trị trải nghiệm và giáo dục được ưu tiên hơn số lượng khách.



**Hình 2. Cảnh quan núi cao và chùa Trúc Lâm - Hòn Bà tại đỉnh Hòn Bà**

**(2) Không gian DLST Suối Dầu:** Đây là nơi có lợi thế về hệ thống suối, thác nước, cảnh quan rừng tự nhiên và khả năng tiếp cận thuận lợi từ vùng đồng bằng. Khu vực này thích hợp với phát triển các tuyến đi bộ, điểm quan sát thiên nhiên, khu cắm trại sinh thái và các chương trình trải nghiệm phục hồi rừng. Điều đó sẽ góp phần nâng cao tính đa dạng của sản phẩm du

lich, đồng thời phân tán áp lực khách khỏi khu vực đỉnh Hòn Bà. Các hoạt động cắm trại cần phải được kiểm soát chặt chẽ tại các vị trí được quy hoạch (tuân thủ theo Điều 15, Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp), ngoài các sinh cảnh nhạy cảm và không ảnh hưởng đến nguồn nước.



Hình 3. Cảnh quan suối tại KBTTN Hòn Bà

Việc lựa chọn Đỉnh Hòn Bà và Suối Dầu là hai không gian ưu tiên không chỉ dựa trên mức độ phong phú của tài nguyên mà còn xem xét khả năng tiếp cận, mức độ nhạy cảm sinh thái và tính khả thi trong tổ chức các hoạt động du lịch. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quy hoạch DLST dựa trên phân vùng chức năng; trong đó các khu vực có giá trị bảo tồn cao được kiểm soát chặt chẽ, còn các khu vực có khả năng tiếp cận tốt sẽ ưu tiên phát triển dịch vụ và trải nghiệm du lịch [7, 8]. Đồng thời, việc tổ chức không gian theo các cụm chức năng cũng góp phần giảm áp lực lên các hệ sinh thái được ưu tiên bảo tồn, nâng cao hiệu quả quản lý và tạo

điều kiện để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù gắn với lợi thế của từng khu vực.

### 3.3.3. Định hướng phát triển các tuyến và sản phẩm DLST

KBTTN Hòn Bà có khả năng phát triển nhiều loại hình DLST khác nhau (Bảng 3). Tuy nhiên, việc xây dựng sản phẩm du lịch cần dựa trên đặc điểm sinh thái của từng khu vực. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất phát triển các sản phẩm du lịch theo nguyên tắc "*Mỗi nguồn tài nguyên tạo nên một nhóm sản phẩm đặc trưng*". Điều đó giúp nâng cao giá trị trải nghiệm đồng thời vẫn đảm bảo mục tiêu bảo tồn.

Bảng 3. Sự liên kết giữa các nguồn tài nguyên với sản phẩm DLST tại KBTTN Hòn Bà

| Nhóm tài nguyên                                          | Sản phẩm du lịch                                                                     | Nhóm khách mục tiêu                                              |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Rừng kín thường xanh núi thấp, núi trung bình            | Trekking, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, nghỉ dưỡng, quan sát thiên nhiên | Nhà nghiên cứu, sinh viên, khách yêu thích thiên nhiên, gia đình |
| Hệ thống suối, thác nước                                 | Dã ngoại, cắm trại, khám phá thiên nhiên                                             | Khách trẻ, nhóm trải nghiệm                                      |
| Động vật hoang dã                                        | Quan sát chim, động vật hoang dã, nhiếp ảnh thiên nhiên                              | Khách quốc tế, nhiếp ảnh gia                                     |
| Nhà bác sĩ Alexandre Yersin, nhà trưng bày, tiêu bản mẫu | Du lịch lịch sử – khoa học                                                           | Học sinh, sinh viên, khách quốc tế                               |
| Văn hóa Raglai, chùa Trúc Lâm - Hòn Bà                   | Du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa                                               | Khách trong nước, quốc tế                                        |

Việc liên kết trực tiếp giữa tài nguyên và sản phẩm DLST giúp định hướng đầu tư theo lợi thế của từng khu vực, đồng thời hạn chế tình trạng phát triển sản phẩm trùng lặp. Cách tiếp cận này cũng tạo điều kiện để hình thành chuỗi trải nghiệm liên hoàn; trong đó mỗi điểm đến đảm nhận một chức năng riêng nhưng vẫn bổ trợ lẫn nhau trong tổng thể không gian DLST của Hòn Bà. Các tuyến du lịch được đề xuất không hoạt động độc lập mà được tổ chức theo mạng lưới kết nối, cho phép du khách chọn lựa các chương trình tham quan, phù hợp với xu hướng đa dạng hóa trải nghiệm của thị trường du lịch hiện nay. Đồng thời, việc phân bố các tuyến theo không gian khác nhau giúp phân tán dòng khách, giảm áp lực lên các khu vực nhạy cảm và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên. Đây là nguyên tắc được nhiều nghiên cứu quốc tế khuyến nghị nhằm tối ưu hóa giá trị tài nguyên, giảm cạnh tranh nội vùng và nâng cao tính khác biệt của điểm đến [6, 8]. Điều này tạo điều kiện hình thành chuỗi trải nghiệm đa dạng, phân bổ dòng khách theo không gian và tạo cơ sở để phân bổ lợi ích du lịch đến cộng đồng địa phương, phù hợp với định hướng phát triển DLST bền vững.

### **3.4. Các giải pháp phát triển DLST bền vững tại KBTTN Hòn Bà**

#### **3.4.1. Bảo tồn tài nguyên, ĐDSH và kiểm soát hoạt động du lịch**

Bảo tồn ĐDSH cần được xác định là mục tiêu ưu tiên trong toàn bộ quá trình phát triển DLST. Các hoạt động du lịch phải được tổ chức trên cơ sở đảm bảo tính toàn vẹn của các hệ sinh thái và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái tự nhiên. Vùng du lịch nhạy cảm cần xây dựng hệ thống giám sát tác động của hoạt động du lịch đến các sinh cảnh nhạy cảm. Đối với các tuyến có sự hiện diện của các loài thực vật và động vật nguy cấp, cần ưu tiên hoạt động quan sát có hướng dẫn, hạn chế tiếng ồn, không tiếp cận quá gần động vật và không tổ chức các hoạt động có nguy cơ làm thay đổi điều kiện sống của chúng. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá dài hạn để đảm bảo giám sát và giảm thiểu được các tác động tới môi trường từ khi lập kế hoạch, đầu tư và khai thác. Việc xác định sức chứa sinh

thái cho từng tuyến cần được thực hiện ở giai đoạn tiếp theo dựa trên dữ liệu du khách và giám sát môi trường. Ngoài ra, cần nâng cao hiệu quả các biện pháp bảo tồn và quản lý bảo vệ rừng và ĐDSH (tuần tra, kiểm soát...), các hoạt động trồng rừng, phục hồi rừng, hoạt động nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, khách du lịch... Đây đều là những giải pháp đã thể hiện tính hiệu quả trong DLST và đề xuất đến ở nhiều trường hợp nghiên cứu trước đây [9, 13].

#### **3.4.2. Phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ, nguồn nhân lực và giáo dục môi trường**

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cần tuân thủ nguyên tắc nhỏ, phù hợp cảnh quan và có khả năng tháo dỡ hoặc điều chỉnh khi cần thiết. Các hạng mục ưu tiên gồm trung tâm đón tiếp – diễn giải, biển chỉ dẫn, điểm dừng chân, đường mòn sinh thái, điểm quan sát động vật và hệ thống thu gom chất thải. Song song với đầu tư vật chất cần phát triển đội ngũ hướng dẫn viên, cán bộ diễn giải môi trường và nhân lực địa phương. Nội dung diễn giải tập trung vào hệ sinh thái rừng, ĐDSH, tiểu sử của bác sĩ Alexandre Yersin và văn hóa người Raglai. Việc diễn giải môi trường không chỉ nhằm cung cấp thông tin cho du khách, mà còn là công cụ định hướng hành vi, nâng cao nhận thức bảo tồn và giảm tác động trực tiếp lên các hệ sinh thái cần được bảo tồn. Do vậy, cải thiện khả năng tiếp cận có kiểm soát, ưu tiên vận chuyển tập trung, tuyến tham quan và phân luồng khách theo sức chịu tải sinh thái sẽ đảm bảo cho việc phát triển DLST tại khu vực chuyển biến theo đúng định hướng.

#### **3.4.3. Phát triển du lịch cộng đồng và chia sẻ lợi ích**

Vùng đệm ở KBTTN Hòn Bà là nơi sinh sống của cộng đồng dân tộc Raglai với nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Việc phát triển du lịch cộng đồng cần gắn với các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, khai thác tri thức bản địa, phát triển sản phẩm thủ công truyền thống, trải nghiệm ẩm thực địa phương, giới thiệu cây thuốc và lâm sản ngoài gỗ. Nếu được thiết kế với cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch, thì sự tham gia của cộng đồng có thể tạo thêm sinh kế và tăng động lực tham gia bảo tồn.

Một số hoạt động được đề xuất như tập huấn cho các hộ gia đình gần khu vực về du lịch cộng đồng và xây dựng bộ quy tắc ứng xử với khách du lịch. Tạo điều kiện để phát triển các hoạt động DLST kết hợp với du lịch cộng đồng với các hoạt động dã ngoại, du lịch mạo hiểm. Ban Quản lý Hòn Bà cần tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý đầu tư, tạo môi trường thông thoáng về đầu tư phát triển du lịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tư nhân với nhà nước.

#### 4. KẾT LUẬN

KBTTN Hòn Bà là một trong những khu vực có tiềm năng phát triển DLST nổi bật của tỉnh Khánh Hòa và vùng Nam Trung Bộ. Đánh giá tổng hợp cho thấy ĐDSH và cảnh quan là hai nhóm lợi thế lớn, trong khi hạ tầng, dịch vụ và năng lực tổ chức sản phẩm là những hạn chế chủ yếu. Do vậy, DLST tại khu vực Hòn Bà nên phát triển theo hướng chuyên biệt, quy mô phù hợp và ưu tiên giá trị trải nghiệm thay vì mở rộng số lượng khách. Hai không gian ưu tiên là đỉnh Hòn Bà và Suối Dầu, kết hợp với vùng đệm ngoài để hình thành mạng lưới sản phẩm gồm văn hóa - lịch sử, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, trải nghiệm, khám phá suối – thác nước và du lịch cộng đồng. Về quản lý, phát triển DLST cần đặt trong giới hạn của mục tiêu bảo tồn; trong đó các yêu cầu trọng tâm là phân vùng không gian, kiểm soát tác động, xây dựng hệ thống diễn giải, nâng cao năng lực nhân lực và đảm bảo sự tham gia, chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Hạn chế của nghiên cứu này là chưa thể lượng hóa sức chứa, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế của từng sản phẩm. Vì thế, các nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung điều tra du khách, phân tích ảnh hưởng của DLST đến các hệ sinh thái nhạy cảm và giám sát tác động dài hạn của DLST để xác định ngưỡng khai thác phù hợp cho từng tuyến. Việc phát triển DLST không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng, mà còn tạo thêm nguồn lực tài chính phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Ban Quản lý KBTTN Hòn Bà đã hỗ trợ cung cấp tài liệu, số liệu và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình khảo sát thực địa và thu thập số liệu. Đồng thời, xin cảm ơn các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật và cộng đồng địa phương đã hỗ trợ thu thập các thông tin cho nghiên cứu này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.
- [2]. Ban Quản lý Khu BTTN Hòn Bà (2023). Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí Khu BTTN Hòn Bà giai đoạn 2023–2029.
- [3]. Ban Quản lý Khu BTTN Hòn Bà (2020). Phương án quản lý rừng bền vững Khu BTTN Hòn Bà giai đoạn 2020–2029.
- [4]. Thái Văn Trùng (1999). Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam. NXB Khoa học & Kỹ thuật.
- [5]. Fred R David (2020). Strategic Management: Concepts and Cases. Pearson Education, Upper Saddle River, NJ.
- [6]. David B Weaver (2001). The Encyclopedia of Ecotourism. CABI Publishing, Wallingford, UK.
- [7]. Ralf Buckley (2009). Ecotourism: Principles and Practices. CABI Publishing, Wallingford, UK.
- [8]. Paul F. J. Eagles, Stephen F. McCool & Christopher D. Haynes (2002). Sustainable Tourism in Protected Areas: Guidelines for Planning and Management. International Union for Conservation of Nature, Gland, Switzerland.
- [9]. Đinh Thanh Sang (2024). Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững du lịch sinh thái ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 13(5): 118 – 126.  
DOI: 10.55250/Jo.vnuf.13.5.2024.118-126
- [10]. Khang, L. N., Ha, N. T., Phan, T. T. T., Dong, V.-C., & Nguyen, V. V. (2026). Exploring the drivers of sustainable tourist behavior in Hon Ba Nature Reserve, Vietnam. International Journal of Hospitality and Tourism Systems. 19(3): 16-30.
- [11]. Martha Honey (ed.) (2008). Ecotourism and Sustainable Development: Who Owns Paradise? Washington, DC: Island Press.
- [12]. World Tourism Organization (2021). Recommendations on Sustainable Tourism Development. UNWTO, Madrid.
- [13]. Đinh Thanh Sang (2025). Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững du lịch sinh thái ở rừng phòng hộ Tà Thiết. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 14(6): 102 – 111. DOI: 10.55250/Jo.vnuf.14.6.2025.102-111